

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: **02** /2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày **20** tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất;
đơn giá thuê đất có mặt nước; đơn giá thuê đất để xây dựng
công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

CÔNG VĂN BẢN

Số: **236**

Ngày **22** tháng **1** năm **2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND
ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ
Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15
tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014
của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn
tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015-2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 365/TTr-STC
ngày 29 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất; đơn giá
thuê đất có mặt nước; đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn
tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

1. Tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất:

a) Tỷ lệ phần trăm (%) đối với nhóm đất phi nông nghiệp: theo Phụ lục
chi tiết đính kèm.

b) Tỷ lệ phần trăm (%) đối với nhóm đất nông nghiệp hàng năm:

STT	Khu vực	Tỷ lệ phần trăm (%) đối với nhóm đất nông nghiệp		Ghi chú
		Đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư	Đất nông nghiệp ở khu vực nông thôn	
01	Khu vực xã, phường, thị trấn	1		Vị trí 1, 2, 3 thuộc địa bàn phường, thị trấn, xã thuộc các huyện, thị xã và tương ứng với mục đích sử dụng đất trong Bảng giá đất nông nghiệp theo quy định trong Bảng giá đất các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông 5 năm giai đoạn 2015-2019
02	Vị trí 1 thuộc khu vực xã, phường, thị trấn		0,9	
03	Vị trí 2 thuộc khu vực xã, phường, thị trấn		0,7	
04	Vị trí 3 thuộc khu vực xã, phường, thị trấn		0,5	

2. Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm

Đối với đất thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định Luật Đất đai, tiền thuê đất được xác định như sau:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất bằng 25% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê bằng 25% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

3. Đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước (thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai)

a) Đối với trường hợp thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; phần diện tích đất có mặt nước sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; đất có mặt nước sử dụng làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư thì

đơn giá thuê đất có mặt nước được xác định bằng 50% đơn giá thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

b) Đối với trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này, đơn giá thuê đất có mặt nước được xác định bằng 60% đơn giá thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Ban hành tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 15/10/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành tỷ lệ phần trăm (%) để tính giá cho thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*h*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế các Bộ: TC, TNMT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư Pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Nông, Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử, Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KHTH, NN, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Diễn



Phụ lục

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) ĐỐI VỚI NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 30/1/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	NỘI DUNG			Tỷ lệ phần trăm (%) đối với nhóm đất phi nông nghiệp		
	Tên đường	Đoạn đường		Đất sử dụng cho các dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực khuyến khích và đặc biệt khuyến khích đầu tư	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật
		Từ	Đến			
THỊ XÃ GIA NGHĨA						
I	Phường Nghĩa Tân					
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường vào Bộ đội biên phòng	Cây xăng Nam Tây Nguyên	1,8	0,85	0,7
		Cây xăng Nam Tây Nguyên	Ngã 3 rẽ vào Công ty Văn Tứ	1,8	0,85	0,7
		Ngã 3 rẽ vào Công ty Văn Tứ	Hết đường đôi (cầu Đắk Tít 2)	1,8	0,85	0,7
2	Quốc lộ 14	Hết đường đôi (cầu Đắk Tít 2)	Hết địa phận Thị xã Gia Nghĩa	1,8	0,85	0,7
3	Đường 23/ 3	Đường Nguyễn Tất Thành (đường vào Bộ đội biên phòng)	Đường Hai Bà Trưng (ngã 4 Hồ Thiên Nga)	1,8	0,85	0,7
		Hai Bà Trưng (ngã 4 Hồ Thiên Nga)	Cầu Đắk Nông	2,6	0,95	0,8
4	Đường Quang Trung	Đường 23/3	UBND phường Nghĩa Tân	1,8	0,85	0,7
		UBND phường Nghĩa Tân	Qua ngã 3 giao với đường 3/2 +100m	1,8	0,85	0,7
		Đường 3/2	Đường Đinh Tiên Hoàng	1,8	0,85	0,7
5	Đường Lê Duẩn (Đăm Bri cũ)	Đường Nguyễn Tất Thành (Ngã ba Sùng Đức)	Ngã tư Lê Duẩn (Văn phòng - Nhà điều hành dự án Thủy điện Đắk Tít)	1,8	0,85	0,7
6	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	Đường Quang Trung (trụ sở UBND phường Nghĩa Tân)	1,8	0,85	0,7
7	Đường 3/2 (đường vào Trung tâm hành chính Thị xã Gia Nghĩa	Đường Quang Trung	Hết đường 3/2	1,8	0,85	0,7
8	Đường Phan Kế Bính	Đường Lê Duẩn	Hết Đường Phan Kế Bính	1,8	0,85	0,7
9	Đường Tô Hiến Thành	Đường Trần Hưng Đạo	Hết Đường Tô Hiến Thành	1,8	0,85	0,7
10	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Tô Hiến Thành	Đường Lê Duẩn	1,8	0,85	0,7
11	Đường Tôn Đức Thắng (Bắc Nam giai đoạn 2)	Đường 23/3	Suối Đắk Nông (cũ)	1,8	0,85	0,7
12	Các khu vực tuyến đường còn lại			1,4	0,8	0,65
II	Phường Nghĩa Phú					
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Khách sạn Hồng Liên	Đường Hai Bà Trưng	1,8	0,85	0,7
		Đường Hai Bà Trưng	Đường vào Bộ đội biên phòng	1,8	0,85	0,7
		Đường vào Bộ đội biên phòng	Cây xăng Nam Tây Nguyên	1,8	0,85	0,7
		Cây xăng Nam Tây Nguyên	Ngã 3 rẽ vào Công ty Văn Tứ	1,8	0,85	0,7
		Ngã 3 rẽ vào Công ty Văn Tứ	Hết đường đôi (cầu Đắk Tít 2)	1,8	0,85	0,7
2	Quốc lộ 14	Hết đường đôi (cầu Đắk Tít 2)	Hết ranh giới Thị xã Gia Nghĩa	1,8	0,85	0,7
3	Đường Quốc lộ 14 (cũ) đoạn đi qua Công ty Văn Tứ	Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành rẽ vào Công ty Văn Tứ	Hết đường giáp ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành	1,8	0,85	0,7
4	Các khu vực tuyến đường còn lại			1,4	0,8	0,65
III	Phường Nghĩa Đức					
1	Đường 23/ 3	Cầu Đắk Nông	Hết Sở Kế hoạch - Đầu tư	2,2	0,9	0,75
		Hết Sở Kế hoạch - Đầu tư	Trần Phú (Tỉnh lộ 4 cũ)	2,2	0,9	0,75
2	Đường Lê Thị Hồng Gấm (23/3 cũ)	Đường 23/3	Đường Hùng Vương	2,2	0,9	0,75
3	Đường N'Trang Long (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	Đường 23/3	Ngã 3 Nguyễn Trãi (nhà công vụ)	1,8	0,85	0,7
		Ngã 3 Nguyễn Trãi (nhà công vụ)	Cầu bà Thông	1,8	0,85	0,7
		Cầu bà Thông	Tượng đài N'Trang Long	1,8	0,85	0,7
		Tượng đài N'Trang Long	Hết đường	1,8	0,85	0,7
4	Đường Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ)	Đường N'Trang Long (Ngã 3 nhà công vụ)	Đường 23/3 (chân cầu Đắk Nông cũ)	1,8	0,85	0,7
		Ngã 4, Tổ dân phố 1 (Tổ 1, Khối 5 cũ)	Đường 23/3 (chân cầu Đắk Nông mới)	1,8	0,85	0,7

STT	NỘI DUNG			Tỷ lệ phần trăm (%) đối với nhóm đất phi nông nghiệp		
	Tên đường	Đoạn đường		Đất sử dụng cho các dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực khuyến khích và đặc biệt khuyến khích đầu tư	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật
		Từ	Đến			
5	Trần Phú (Tinh lộ 4 cũ)	Km 0 (Đường 23/3)	Km 1	1,8	0,85	0,7
6	Đường Lý Thái Tổ (đường D1 cũ)	Đường 23/3	Hết đường nhựa	1,8	0,85	0,7
7	Đường Ama Zhao (đường D2 cũ) + Đường Cao Thắng	Đường 23/3	Hết đường vòng nối với đường 23/3 (gần Sở Nội vụ)	1,8	0,85	0,7
8	Đường Nguyễn Khuyến	Đường N'Trang Long	Đường Lương Thế Vinh	1,8	0,85	0,7
9	Đường Lương Thế Vinh	Đường N'Trang Long	Hết đường Lương Thế Vinh	1,8	0,85	0,7
10	Đường Hàm Nghi	Đường Hùng Vương	Đường Tân Đà	1,8	0,85	0,7
11	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Hàm Nghi (Trục D1)	Đường Y Jút (Trục N3)	1,8	0,85	0,7
12	Đường Tân Đà	Đường Hàm Nghi	Đường Y Jút (Trục N3)	1,8	0,85	0,7
13	Đường Trần Khánh Dư	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	1,8	0,85	0,7
14	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Tân Đà	Đường Nguyễn Thượng Hiền	1,8	0,85	0,7
15	Đường Y Jút	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Giáp đường dây 500KV (hết đường)	1,8	0,85	0,7
16	Đường Nguyễn Trường Tộ	Ngã 5 Hoàng Diệu - Nguyễn Thượng Hiền	Đường Hoàng Diệu	1,8	0,85	0,7
17	Đường Hoàng Diệu	Ngã 5 Nguyễn Thượng Hiền - Nguyễn Trường Tộ	Đường Y Jút (giáp đường dây 500KV)	1,8	0,85	0,7
18	Khu Tái định cư Công An	Nội tuyến đường nhựa		1,8	0,85	0,7
19	Khu Tái định cư Đắk Nia	Trục đường sau đồi đất sét (Nội tuyến đường nhựa)		1,8	0,85	0,7
20	Các khu vực tuyến đường còn lại			1,4	0,8	0,65
IV	Phường Nghĩa Thành					
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Phan Bội Châu	Đường Hai Bà Trưng	1,8	0,85	0,7
		Đường Hai Bà Trưng	Đường vào Bộ đội biên phòng	1,8	0,85	0,7
2	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Võ Thị Sáu (Thị đội)	1,8	0,85	0,7
		Đường Võ Thị Sáu (Thị đội)	Đường 23/3	1,8	0,85	0,7
3	Đường 23/3	Đường Nguyễn Tất Thành (đường vào bộ đội biên phòng)	Đường Hai Bà Trưng (Ngã 4 hồ thiên Nga)	1,8	0,85	0,7
		Hai Bà Trưng (Ngã 4 hồ thiên Nga)	Cầu Đắk Nông	2,6	0,95	0,8
4	Đường Ngô Mây	Đường Tống Duy Tân	Ngã 3 Vào thôn Nghĩa Bình	1,8	0,85	0,7
5	Đường Tống Duy Tân	Đường Nguyễn Tất Thành (quốc lộ 14 cũ)	Đường Tôn Đức Thắng	1,8	0,85	0,7
6	Đường Nguyễn Tri Phương (Hùng Vương cũ)	Đường Chu Văn An	Đường 23/3	2,2	0,9	0,75
7	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trương Công Định Cũ)	Đường 23/3 - Nguyễn Tri Phương	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng Cũ)	2,6	0,95	0,8
8	Đường Trương Định (Lý Thường Kiệt Cũ)	Cổng trại giam công an huyện (cũ)	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo Cũ)	2,2	0,9	0,75
		Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo Cũ)	Hết chợ thị xã	3	1	0,85
		Hết chợ thị xã	Vào 50m (đường đi vào chùa Pháp Hoa)	1,8	0,85	0,7
9	Đường đi sân Bay cũ	Ngã 3 chùa Pháp Hoa (Hùng Vương Cũ)	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng Cũ)	1,8	0,85	0,7
10	Đường Bà Triệu	Đường Trương Định (Lý Thường Kiệt Cũ)	Đường Tôn Đức Thắng	3	1	0,85
11	Đường Chu Văn An	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Tri Phương	2,6	0,95	0,8
		Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Huỳnh Thúc Kháng	2,2	0,9	0,75
12	Đường Quanh Chợ	Đường Trương Định (Lý Thường Kiệt Cũ)	Đường Bà Triệu	3	1	0,85
13	Đường Mạc Thị Bưởi	Đường Hai Bà Trưng (QL 14 Cũ)	Hết hồ Thiên Nga (Hồ Vịt cũ)	1,8	0,85	0,7
		Hết hồ Thiên Nga (Hồ Vịt cũ)	Hết Đường	1,8	0,85	0,7

STT	NỘI DUNG		Tỷ lệ phần trăm (%) đối với nhóm đất phi nông nghiệp			
	Tên đường	Đoạn đường		Đất sử dụng cho các dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực khuyến khích và đặc biệt khuyến khích đầu tư	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật
		Từ	Đến			
14	Đường Tôn Đức Thắng (Trục Bắc – Nam và một đoạn Hai Bà Trưng cũ)	Đường Phan Bội Châu	Đường đất (Nhà hàng dốc võng)			
		Tà luy dương		1,8	0,85	0,7
		Tà luy âm		1,8	0,85	0,7
		Đường đất (Nhà hàng Dốc Võng)	Ngã tư đường Ngô Mây	1,8	0,85	0,7
		Ngã tư đường Ngô Mây	Hết đường Bắc - Nam (đã xây dựng giai đoạn 1)	2,2	0,9	0,75
		Hết đường Bắc - Nam (đã xây dựng giai đoạn 1)	Ngã ba Nguyễn Tri Phương và Chu Văn An	2,2	0,9	0,75
	Đường Tôn Đức Thắng (Hai Bà Trưng cũ)	Ngã ba Đường lên Sân Bay giao với đường Tôn Đức Thắng	Đường Võ Thị Sáu	2,2	0,9	0,75
		Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Viết Xuân (đường tổ dân phố 3)	2,2	0,9	0,75
		Đường Nguyễn Viết Xuân (đường tổ dân phố 3)	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	2,2	0,9	0,75
		Đường Huỳnh Thúc Kháng (Trần Hưng Đạo cũ)	Đường 23/3	2,2	0,9	0,75
15	Các khu vực tuyến đường còn lại			1,4	0,8	0,65
V	Phường Nghĩa Trung					
1	Đường 23/3	Cầu Đắc Nông	Ngân hàng đầu tư	2,2	0,9	0,75
		Ngân hàng đầu tư	Trần Phú (Tĩnh lộ 4 cũ)	2,2	0,9	0,75
2	Đường Lê Thị Hồng Gấm (23/3 cũ)	Đường 23/3	Đường Hùng Vương	1,8	0,85	0,7
3	Đường Nguyễn Văn Trỗi (Lê Lợi cũ)	Đường Trần Hưng Đạo	Lê Thánh Tông	1,8	0,85	0,7
4	Đường Lê Lai	Đường 23/3 (Vào Tĩnh uy)	Ngã 3 Tĩnh uy (đường Trần Hưng Đạo)	1,8	0,85	0,7
5	Đường Lê Thánh Tông	Đường 23/3	Ngã 3 Đồi Thủy lợi cũ	1,8	0,85	0,7
		Ngã 3 Đồi Thủy lợi cũ	Đường Tôn Đức Thắng (Bắc - Nam giai đoạn 2)	1,8	0,85	0,7
6	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 28 cũ)	Ngã 3 Trần Phú – Lê Thị Hồng Gấm (ngã 3 tĩnh lộ 4 cũ)	Hết Bệnh viện	1,8	0,85	0,7
		Hết Bệnh viện	Cầu lò gạch (hết đường đôi)	1,8	0,85	0,7
7	Đường Điều Ong (đường trước Trung tâm Hội nghị tỉnh)	Đường 23/3	Đường Phan Đăng Lưu (Đường N1 cũ)	1,8	0,85	0,7
8	Đường Phan Đăng Lưu (Đường N1 cũ)	Ngã 3 Tĩnh uy (đoạn giao đường Nguyễn Văn Trỗi và đường Lê Lai)	Ngã 3 Đường 23/3 (Sở Thông tin và Truyền thông)	1,8	0,85	0,7
9	Đường Vũ Anh Ba (Đường N3 cũ)	Đường Phan Đăng Lưu (Đường N1 cũ)	Đường Điều Ong	1,8	0,85	0,7
10	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 23/3 (Sở Thông tin và Truyền thông)	Ngã ba Tĩnh uy	1,8	0,85	0,7
11	Đường Tân Đà (trục N1 cũ)	Đường Hàm Nghi	Đường Trần Khánh Dư	1,8	0,85	0,7
12	Đường Nguyễn Hữu Thọ (Trục N2)	Đường Hàm Nghi (Trục D1)	Đường Y Jút (Trục N3)	1,8	0,85	0,7
13	Đường Y Jút (trục N3)	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Tôn Thất Tùng (Trục N7)	1,8	0,85	0,7
14	Đường Kim Đồng	Đường Hàm Nghi	Đường Tôn Thất Tùng	1,8	0,85	0,7
		Đường Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Phùng	1,8	0,85	0,7
15	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Kim Đồng	Đường Hoàng Diệu	1,8	0,85	0,7
16	Đường Trần Khánh Dư	Đường Tân Đà	Giao của đường Y Jút – Tôn Thất Tùng	1,8	0,85	0,7
17	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Y Jút	1,8	0,85	0,7
18	Đường Trần Nhật Duật	Đường Kim Đồng và Nguyễn Thượng Hiền	Đường Phan Đình Phùng	1,8	0,85	0,7

STT	NỘI DUNG			Tỷ lệ phần trăm (%) đối với nhóm đất phi nông nghiệp		
	Tên đường	Đoạn đường		Đất sử dụng cho các dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực khuyến khích và đặc biệt khuyến khích đầu tư	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật
		Từ	Đến			
19	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Ngã 5 Y Jút và Tôn Thất Tùng	1,8	0,85	0,7
20	Đường Hàm Nghi	Đường Hùng Vương	Đường Tôn Thất Tùng	1,8	0,85	0,7
21	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Hoàng Diệu	Giao giữa Nguyễn Thượng Hiền và Hoàng Diệu	1,8	0,85	0,7
22	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Hàm Nghi	Đường Tôn Thất Tùng	1,8	0,85	0,7
		Đường Tôn Thất Tùng	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1,8	0,85	0,7
23	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Hùng Vương	Giao giữa Phan Đình Phùng và Trần Khánh Dư	1,8	0,85	0,7
24	Đường Phan Đình Phùng	Giao giữa Tôn Thất Tùng và Hoàng Diệu	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1,8	0,85	0,7
25	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	Đường Hùng Vương	Đường Phan Đình Phùng	1,8	0,85	0,7
26	Đường Phan Đình Giót	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Y Nuê	1,8	0,85	0,7
27	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1,8	0,85	0,7
28	Đường Y Nuê	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1,8	0,85	0,7
29	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Y Nuê	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1,8	0,85	0,7
30	Đường Trục N21	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Phan Đình Phùng	1,8	0,85	0,7
31	Đường Ngô Tất Tố	Đường Ngô Thị Nhậm	Đường Y Ngông Niê K'Đăm	1,8	0,85	0,7
32	Đường Tôn Đức Thắng (Bắc Nam giai đoạn 2)	Suối Đắk Nông	Cuối đường	1,8	0,85	0,7
33	Đường vào khu tái định cư 23 ha	Đường Phan Đăng Lưu	Khu TĐC 23 ha (hết trường Chính trị tỉnh)	1,8	0,85	0,7
34	Đất ở khu tái định cư 23 ha	Nội các Tuyến đường nhựa		1,8	0,85	0,7
35	Các khu vực tuyến đường còn lại			1,4	0,8	0,65
VI	Xã Đắk Nia					
1	Đường Quốc lộ 28	Giáp ranh phường Nghĩa Trung (cầu Lò Gạch) -200 m	Giáp ranh phường Nghĩa Trung (cầu Lò Gạch)	0,7	0,6	0,55
		Giáp ranh phường Nghĩa Trung (cầu Lò Gạch)	Ngã 3 đường vào thôn Đồng Tiến	0,7	0,6	0,55
		Ngã 3 đường vào thôn Đồng Tiến	Ngã 3 đường vào trường Phan Bội Châu	0,7	0,6	0,55
		Ngã 3 đường vào trường Phan Bội Châu	Ngã 3 đường vào trụ sở UBND xã	0,7	0,6	0,55
		Ngã 3 đường vào trụ sở UBND xã	Ngã 3 đường vào thôn Đắk Tân (thôn 9)	0,7	0,6	0,55
2	Khu tái định cư Làng Quân nhân			0,7	0,6	0,55
3	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
VII	Các xã còn lại			0,6	0,55	0,5
HUYỆN ĐAK R LẤP						
I	Thị trấn Kiến Đức					
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Ranh giới xã Kiến Thành	Ngã 3 đường Võ Thị Sáu - Nguyễn Tất Thành	1,7	0,8	0,65
		Ngã 3 đường Võ Thị Sáu - Nguyễn Tất Thành	Ngã 3 đường Chu Văn An	2,1	0,85	0,7
		Ngã 3 đường Chu Văn An	Ngã 3 đường Lê.H.Trác -N.T.Thành	2,5	0,9	0,75
		Ngã 3 đường Lê Hữu Trác -Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Trần Phú- Nguyễn Tất Thành	2,1	0,85	0,7
		Km 0 (Ngã ba đường Trần Phú)	Km 0 +600m (ngã 3 đường Trần Phú)	1,7	0,8	0,65
		Km 0 +600m (ngã 3 đường Trần Phú - Nguyễn Tất Thành)	Ranh giới xã Kiến Thành (Đường Nguyễn Tất Thành	1,7	0,8	0,65

STT	NỘI DUNG			Tỷ lệ phần trăm (%) đối với nhóm đất phi nông nghiệp		
	Tên đường	Đoạn đường		Đất sử dụng cho các dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực khuyến khích và đặc biệt khuyến khích đầu tư	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật
		Từ	Đến			
2	Đường Lê Thánh Tông	Ngã 3 đường Lê Hữu Trác – Lê Thánh Tông	Đường vào lò mổ (tả dương)	1,7	0,8	0,65
		Km0 (ngã 3 đường vào lò mổ - Lê Thánh Tông	Km0 +200m (Giáp đất nhà ông Lương)			
		Tả luy dương		2,1	0,85	0,7
		Tả luy âm		1,7	0,8	0,65
		Km0 +200m (Giáp đất nhà ông Lương)	Hết điểm quy hoạch (Giáp bờ kê sau chợ)	1,7	0,8	0,65
		Km0 +200m (Giáp đất nhà ông Lương)	Giáp QLô 14			
		Tả luy dương		2,1	0,85	0,7
		Tả luy âm		1,7	0,8	0,65
3	Đường N'Trang Long (Bên phải)	Km 0 (QLô 14)	Km0 + 150m	2,1	0,85	0,7
		Km0 + 150m	Ngã ba đường Ng. Du đường N'Trang Long	2,1	0,85	0,7
		Ngã ba đường Ng. Du đường N'Trang Long	Cầu Đắc BLao	1,7	0,8	0,65
	Đường N'Trang Long (bên trái)	Km 0 (QLô 14) Phía tả âm	Km0 + 150m	2,1	0,85	0,7
		Phía bên trái đường				
		Km 0+ 150m	Km 0+ 300m	1,7	0,8	0,65
		Km 0+ 300m	Km 1+ 110m	1,7	0,8	0,65
	Đường N'Trang Long	Km 1+ 110m	Km 1+650m (ngã 3 đường Ph.C.Trinh-đường Nơ.Tr Long)	1,7	0,8	0,65
4	Đường Lê Hữu Trác	Km0 + 50m (QLô 14)	Ngã 3 đường Lê Thánh Tông - Lê Hữu Trác			
		Tả luy dương		1,7	0,8	0,65
		Tả luy âm		1,7	0,8	0,65
5	Đường Trần Phú	Ngã 3 đường Trần Phú - Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh giới xã Kiến Thành	1,7	0,8	0,65
6	Đường Chu Văn An	Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành-Chu Văn An (Km 0)	Giáp đường Nguyễn Khuyến			
		Tả luy dương		1,7	0,8	0,65
7	Đường Nguyễn Du	Đường N'Trang Long	Đường Chu Văn An	1,7	0,8	0,65
8	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Khuyến	1,7	0,8	0,65
9	Nguyễn Du nối dài	Ngã 3 Ng. Du – Chu Văn An	Đường Nguyễn Tất Thành	1,7	0,8	0,65
10	Đường Nguyễn Khuyến	Đường N'Trang Long	Sân vận động	1,7	0,8	0,65
11	Đường Hùng Vương	Km 0 QLô 14- Trụ sở UBND TT mới	Km0 +200m (Đường Hùng Vương)			
		Tả luy dương		1,7	0,8	0,65
12	Các khu vực tuyến đường còn lại			1,3	0,75	0,6
II	Xã Kiến Thành					
1	Quốc Lộ 14					
1.1	Đường thị trấn Kiến Đức về xã Quảng Tín	Bên phải				
		Giáp ranh Thị trấn Kiến Đức	Giáp nhà ông Lập	0,7	0,6	0,55
		Nhà ông Lập	Ranh xã Quảng Tín	0,7	0,6	0,55
		Bên trái				
		Giáp ranh Thị trấn Kiến Đức	Giáp ranh nhà ông Sơn	0,7	0,6	0,55
1.2	Thị trấn Kiến Đức – Nhân Cơ	Giáp ranh nhà ông Sơn	Giáp ranh xã Quảng Tín	0,7	0,6	0,55
		Ranh giới Kiến Đức	Ranh giới Kiến Đức +400 m			
		Tả luy dương		0,8	0,65	0,6
		Tả luy âm		0,8	0,65	0,6
		Tả dương (phía cao)	Đến ngã ba hầm đá	0,7	0,6	0,55
		Tả âm (phía thấp)	Đến ngã ba hầm đá	0,7	0,6	0,55
2	Tỉnh lộ 5	Ngã ba vào hầm đá	Ranh giới xã Đ. Wer	0,7	0,6	0,55
		Ranh giới TT Kiến Đức	Nghĩa địa thôn 3	0,7	0,6	0,55
3	Đường vào cây đa Kiến Đức		Giáp ranh Kiến Thành	0,7	0,6	0,55
4	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5

STT	NỘI DUNG			Tỷ lệ phần trăm (%) đối với nhóm đất phi nông nghiệp		
	Tên đường	Đoạn đường		Đất sử dụng cho các dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực khuyến khích và đặc biệt khuyến khích đầu tư	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật
		Từ	Đến			
III	Xã Nhân Cơ					
1	Quốc Lộ 14	Ranh giới xã Đắk Wer	Hết trạm Y Tế xã Nhân Cơ	0,8	0,65	0,6
		Trạm Y Tế xã Nhân Cơ	Đầu trường Lê Đình Chinh	0,8	0,65	0,6
		Đầu trường Lê Đình Chinh	Ngã 3 đường vào xã Nhân Đạo	0,9	0,7	0,65
		Ngã ba đường vào xã Nhân Đạo	UBND xã	0,8	0,65	0,6
		UBND xã	Cách ngã ba đường vào ngã 18 (200m)	0,7	0,6	0,55
		Cách ngã ba đường vào ngã 18 (200m)	Qua ngã ba đường vào ngã 18 (+200m)	0,7	0,6	0,55
		Qua ngã ba đường vào ngã 18 (200m)	Cách ngã 3 đường vào thác Diệu Thanh (200m)	0,7	0,6	0,55
		Cách ngã 3 đường vào thác Diệu Thanh (200m)	Qua ngã 3 đường vào thác Diệu Thanh (+200m)	0,7	0,6	0,55
		Qua ngã ba đường vào thác thác Diệu Thanh 200m	Cầu Đắk R'Tiê (+)	0,7	0,6	0,55
		Qua ngã ba đường vào thác thác Diệu Thanh 200m	Cầu Đắk R'Tiê (-)	0,7	0,6	0,55
2	Đường vào xã Nhân Đạo	Km 0 QLô 14	Km 0 + 500m (Đến đập Hồ Nhân Cơ)	0,7	0,6	0,55
3	Đường vào bên cạnh ngân hàng	Ngã 3 (QLô 14)	Hết đất nhà ông Thắng	0,7	0,6	0,55
4	Đường vào bên cạnh chợ	Ngã 3 (QLô 14)	Giáp đất Nguyễn Văn Bạc	0,7	0,6	0,55
5	Đường vào sân bay	Ngã 3 (QLô 14)	Giáp sân bay Nhân Cơ	0,7	0,6	0,55
6	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
IV	Xã Đắk Wer					
1	Đường QLô 14	Km 0 ngã 3 vào thôn 1 về 2 phía mỗi phía 200m		0,8	0,65	0,6
		Km 0 + 200m	Giáp ranh Kiến Thành	0,8	0,65	0,6
		Km 0 + 200 m	Km 0 + 350 m hướng Nhân Cơ	0,8	0,65	0,6
		Km 0 + 350 m	Giáp ranh Nhân Cơ	0,7	0,6	0,55
2	Đường liên xã Nhân Cơ Nhân Đạo, Nghĩa Thắng	Km 0 ngã 3 (Pi nao II)	Km 0 + 500m hướng Nghĩa Thắng	0,7	0,6	0,55
		Km 0 ngã 3 Pi nao II hướng Nhân Cơ	Km 0 + 500m	0,7	0,6	0,55
		Km 0 (QLô 14)	Km 0 + 100 m	0,7	0,6	0,55
3	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
V	Xã Nhân Đạo					
1	Đường liên xã	Km0 (ngã 3 chợ PiNaoII)	Km0+500 (đi xã Nhân Cơ)	0,7	0,6	0,55
		Km0 (ngã 3 chợ PiNaoII)	Km0+500 (đi xã Nghĩa Thắng)	0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
VI	Xã Đạo Nghĩa					
1	Tỉnh lộ 5	Từ UBND xã (hướng Đắk Sin)	UBND xã + 200m	0,7	0,6	0,55
		Từ UBND xã (hướng Nghĩa Thắng)	Cách UBND xã 300m	0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
VII	Xã Đắk Sin					
1	Tỉnh lộ 5	Ngã ba Ngân hàng	Ngã 3 cây xăng ông Hà	0,7	0,6	0,55
		Ngã 3 cây xăng ông Hà	Cầu Vũ Phong	0,7	0,6	0,55
		Ngã 3 ngân hàng	Km 0 + 150m (về hướng Hưng Bình)	0,7	0,6	0,55
2	Đường liên thôn	Ngã ba Ngân Hàng	Trường Tiểu học Lê Hữu Trác (đường liên xã)	0,7	0,6	0,55
3	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
VIII	Xã Nghĩa Thắng					
1	Hướng Đạo Nghĩa	Trạm xá xã	Ngã 3 chợ	0,8	0,65	0,6
		Ngã 3 chợ	Ngã 3 nhà ông Tường	0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5

STT	NỘI DUNG			Tỷ lệ phần trăm (%) đối với nhóm đất phi nông nghiệp		
	Tên đường	Đoạn đường		Đất sử dụng cho các dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực khuyến khích và đặc biệt khuyến khích đầu tư	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật
		Từ	Đến			
IX	Xã Quảng Tín					
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Kiến Thành	Ngã ba hết trụ sở Cty cà phê Đắk Nông	0,7	0,6	0,55
		Hết ngã ba Cty cà phê Đắk Nông	Đến hết ngã ba vào tổ 1 thôn 3	0,7	0,6	0,55
		Ngã ba vào đường bon Bù Đách	Ngã ba đi đường vào Đắk Ngo	0,7	0,6	0,55
		Ngã ba đi vào đường Đắk Ngo thôn 5	Ngã ba đường vào tổ 5 thôn 5	0,8	0,65	0,6
		Ngã ba đi đường vào tổ 5 thôn 5 hết nhà ông Hùng	Đến giáp xã Đắk Ru	0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
X	Xã Đắk Ru					
1	Đường Quốc lộ 14	Cột mốc 882 (QL14)+50m	Cột mốc 883 (QL14)+500m	0,7	0,6	0,55
		Cột mốc 885 (QL14)	Cột mốc 886 (QL14)+400m	0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
XI	Các xã còn lại			0,6	0,55	0,5
HUYỆN ĐẮK MIL						
I	Thị trấn Đắk Mil					
1	Đường Nguyễn Tất Thành (QL 14)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết ngã 3 đường Trần Phú	2,1	0,85	0,7
		Đường Trần Phú	Hết Trường Nguyễn Tất Thành	2,1	0,85	0,7
		Trường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh xã Đắk Lao	1,7	0,8	0,65
2	Đường Trần Hưng Đạo (QL 14)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết ngã 3 đường N' Trang Long	2,1	0,85	0,7
		Ngã 3 đường N' Trang Long	Hết ngã ba Đường Hoàng Diệu	1,7	0,8	0,65
		Ngã ba Đường Hoàng Diệu	Hết hạt Kiểm Lâm	1,7	0,8	0,65
		Hạt Kiểm Lâm	Giáp ranh xã Đắk lao	1,7	0,8	0,65
3	Đường Nguyễn Chí Thanh (QL 14C)	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết Trường Nguyễn Chí Thanh	1,7	0,8	0,65
4	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết ngã 3 đường Đinh Tiên Hoàng	1,7	0,8	0,65
		Ngã ba đường Đinh Tiên Hoàng	Hết ngã 3 Lê Duẩn - Hai Bà Trưng	1,7	0,8	0,65
		Ngã 3 Lê Duẩn - Hai Bà Trưng	Giáp ranh xã Đức Minh	1,7	0,8	0,65
5	Đường Hùng Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngã ba đường Nguyễn Khuyến	1,7	0,8	0,65
		Ngã ba đường Nguyễn Khuyến	Hết ngã ba đường Hùng Vương đi trường cấp III (nhà Thầy Văn)	1,7	0,8	0,65
6	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết cổng trường Trần Phú	1,7	0,8	0,65
7	Đường Nguyễn Du	Đường Hùng Vương	Ngã tư nhà bà Trang	1,7	0,8	0,65
		Ngã tư nhà bà Trang	Hết địa phận thị trấn	1,7	0,8	0,65
8	Đường N' Trang Long	Đường Trần Hưng Đạo	Hết nhà trẻ Hoà Mỹ	1,7	0,8	0,65
9	Đường khu Chung cư 301 đầu nối với đường Trần Hưng Đạo	Km 0 (Đường Trần Hưng Đạo)	Km0 +200m	1,7	0,8	0,65
10	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Trần Phú	1,7	0,8	0,65
11	Đường vào chợ Thị trấn	Ngã 3 đường Trần Nhân Tông, cổng chợ phía Tây	Đường Trần Phú	1,7	0,8	0,65
12	Đường vành đai hồ tây (TDP 13)	Từ hoa viên	Ngã ba đường Bà Triệu	1,7	0,8	0,65
13	Các khu vực tuyến đường còn lại			1,3	0,75	0,6
II	Xã Đức Mạnh					
1	Quốc lộ 14	Giáp xã Đắk Lao (Hạt đường bộ)	Giáp xã Đắk Lao (Hạt đường bộ) +200 m	0,7	0,6	0,55
		Giáp xã Đắk Lao (Hạt đường bộ) +200 m	Hết nhà ông Đức (thôn Đức Tân)	0,7	0,6	0,55
		Đường vào trường Lê Quý Đôn	HTX Mạnh Thắng	0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5

STT	NỘI DUNG			Tỷ lệ phần trăm (%) đối với nhóm đất phi nông nghiệp		
	Tên đường	Đoạn đường		Đất sử dụng cho các dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực khuyến khích và đặc biệt khuyến khích đầu tư	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật
		Từ	Đến			
III	Xã Đắk Lao					
1	Quốc lộ 14 (về phía Đắk Lắk)	Giáp Huyện đội Đắk Mil Ngã ba thôn 4 (công ty 2-9)	Ngã ba thôn 4 (công ty 2-9) Giáp ranh xã Đức Mạnh	0,8 0,8	0,65 0,65	0,6 0,6
2	Quốc lộ 14 (về phía Đắk Nông)	Giáp ranh thị trấn Cây xăng Anh Tuấn	Cây xăng Anh Tuấn Giáp ranh xã Thuận An	0,7 0,7	0,6 0,6	0,55 0,55
3	Quốc lộ 14C	Giáp đường Trường Trần Phú đi Quốc lộ 14C	Hết Lâm trường Đắk Mil (Công ty Đại Thành)	0,7	0,6	0,55
4	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
IV	Xã Đức Minh					
1	Tỉnh Lộ 2	Giáp xã Đức Mạnh	Cầu trắng	0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
V	Các xã còn lại			0,6	0,55	0,5
HUYỆN CỬ LỰI						
I	Thị trấn Ea Tling					
1	Đường Nguyễn Tất Thành					
1.1	Về phía Đắk Nông	Cửa hàng xe máy Bảo Long	Ngã 5 đường Ngô Quyền	1,9	0,8	0,65
1.2	Về phía Đắk Lắk	Cửa hàng xe máy Bảo Long Hết cửa hàng xe máy Lai Hương Hết cửa hàng xe máy Gia Vạn Lợi	Hết cửa hàng xe máy Lai Hương Hết cửa hàng xe máy Gia Vạn Lợi Giáp ranh xã Tâm Thắng	1,9 1,9 1,6	0,8 0,8 0,75	0,65 0,65 0,6
2	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã 5 đường Ngô Quyền Cổng nhà ông Tri (Km0 + 110m) Cổng phụ vào Nhà máy điều	Cổng nhà ông Tri (Km0 + 110m) Cổng phụ vào Nhà máy điều Ngã 3 đường vào Sao ngân phương	1,9 1,6 1,6	0,8 0,75 0,75	0,65 0,6 0,6
3	Đường Hùng Vương (đường đi Krông Nô)	Ngã 5 đường Trần Hưng Đạo Ngã ba đường Bà Triệu (Cổng thôn Văn hoá khối 4)	Ngã ba đường Bà Triệu (Cổng thôn Văn hoá khối 4) Ngã ba đường Nguyễn Du (vào Thác Trinh Nữ)	1,6 1,6	0,75 0,75	0,6 0,6
4	Đường Nguyễn Văn Linh (đường đi Nam Dong)	Km 0 QL 14 (ngã 4 Nguyễn Tất Thành) Ngã 3 đường Lê Lợi	Ngã 3 đường Lê Lợi Hết trường tiểu học Trần Phú	1,6 1,6	0,75 0,75	0,6 0,6
5	Đường Phạm Văn Đồng (Khu phố chợ)	Km 0 QL 14 (Ngã 4 Nguyễn Tất Thành) Hết khu phố chợ (ngã 3 đường sau chợ)	Hết khu phố chợ (Ngã ba đường sau chợ) Ngã 3 dốc đá	1,9 1,6	0,8 0,75	0,65 0,6
6	Đường vào bến xe huyện	Km 0 QL14 (Ngã ba Nguyễn Tất Thành)	Hết khu phố chợ (Ngã ba đường sau chợ)	1,6	0,75	0,6
7	Đường phía sau chợ huyện	Giáp đường vào bến xe	Ngã ba đường Phạm Văn Đồng	1,6	0,75	0,6
8	Đường Ngô Quyền (Vào Trung tâm Chính trị)	Km0 Ngã 5 Nguyễn Tất Thành	Ngã tư đường Y Ngông-Lê Quý Đôn	1,6	0,75	0,6
9	Đường Nơ Trang Long (Tuyến 2 Bon U1)	Km 0 Quốc Lộ 14 (Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành)	Ngã ba nhà ông Quốc	1,6	0,75	0,6
10	Các khu vực tuyến đường còn lại			1,2	0,7	0,55
II	Xã Tâm Thắng					
1	Quốc lộ 14	Ngã ba Tân Hải (Giáp thị trấn)	Cầu 14	0,8	0,65	0,6
2	Đường đi Nam Dong	Ngã ba QL 14 Ngã tư Trường PTTH Phan Chu Trinh	Cổng trường PTTH Phan Chu Trinh Ngã ba hết thôn 9	0,7 0,7	0,6 0,6	0,55 0,55
3	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
III	Xã Nam Dong					
1	Các trục đường chính	Ngã ba Khánh Bạc -50m Ngã ba thôn 5 (Nhà ông Khoán) -50m Ngã ba thôn 3 (Nhà ông Lai)+50m Ngã tư Minh Ánh-50m	Ngã ba thôn 5 (Nhà ông Khoán)-50m Ngã ba thôn 3 (Nhà ông Lai)+50m Ngã tư Minh Ánh-50m Ngã ba phân trường thôn 1 - 50m	0,7 0,8 0,7 0,7	0,6 0,65 0,6 0,6	0,55 0,6 0,55 0,55

STT	NỘI DUNG			Tỷ lệ phần trăm (%) đối với nhóm đất phi nông nghiệp		
	Tên đường	Đoạn đường		Đất sử dụng cho các dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực khuyến khích và đặc biệt khuyến khích đầu tư	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật
		Từ	Đến			
2	Đường đi Đắk Drông (A)	Km 0 (ngã ba Khánh Bạc)	Ngã tư tuyến 2 thôn 10, thôn 6	0,7	0,6	0,55
3	Đường đi Đắk Drông (B)	Km 0 (Ngã ba nhà ông Khoán)	Ngã ba tuyến 2 thôn 6	0,7	0,6	0,55
4	Đường đi xã Tâm Thắng	Ngã tư chợ Nam Dong	Nhà ông Chiêu	0,7	0,6	0,55
5	Đường đi xã ĐắkWin	Ngã tư chợ Nam Dong	Ngã ba tuyến 2 thôn Trung Tâm	0,7	0,6	0,55
		Ngã ba tuyến 2 thôn Trung Tâm	Ngã ba nhà ông Quỳnh+50m	0,7	0,6	0,55
6	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
IV	Xã Đắk Rông					
1	Trục đường chính	Tìm công chợ về hai phía, mỗi phía 200m		0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
V	Xã EaPô					
1	Trục đường chính (Đường nhựa)	Nhà ông Lữ Xuân Điện	Ngã ba Trạm xá xã	0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
VI	Xã Đắk Wil					
1	Trục đường chính (Đường nhựa)	Km 0 (Công chợ Đắk Wil) về hai phía, mỗi phía 150m		0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
VII	Các xã còn lại			0,6	0,55	0,5
HUYỆN ĐẮK SÔNG						
I	Thị trấn Đức An					
1	Đường Quốc lộ 14	Dịch vụ công	Hết trụ sở Ngân hàng nông nghiệp			
		- Phía đông (trái)		1,5	0,75	0,6
		Ngân hàng nông nghiệp	Đường vào xã Thuận Hà (Kiểm lâm)	1,5	0,75	0,6
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			1	0,65	0,5
II	Xã Nam Bình					
1	Đường Quốc lộ 14	Hết trường mẫu giáo Hoa Sen (Trạm y tế cũ)	Cây Xăng Đình Diệm	0,7	0,6	0,55
		Cây xăng Đình Diệm	Hết trụ sở đoàn 505	0,7	0,6	0,55
		Hết trụ sở đoàn 505	Giáp ranh giới thị trấn Đức An	0,7	0,6	0,55
				0,7	0,6	0,55
2	Đường liên xã	Ngã 3 đường nhà ông Tài	Hết cây xăng Văn Diệp	0,7	0,6	0,55
3	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
III	Các xã còn lại			0,6	0,55	0,5
HUYỆN KRÔNG NÔ						
I	Thị trấn Đắk Mâm					
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Cột mốc Km số 16 TL4 (cầu 1, giáp Xã Nam Đà)	Ngã tư Bến xe	1,5	0,75	0,6
		Ngã 4 Bến xe	Ngã 4 Ngân hàng Nông Nghiệp	1,7	0,8	0,65
2	Đường Tôn Đức Thắng	Ngã 4 Ngân hàng Nông Nghiệp	Ngã 3 đường vào Đài truyền thanh huyện	1,5	0,75	0,6
		Ngã 3 đường vào Đài truyền thanh huyện	Giáp ranh giới Xã Đắk Drô (Ngã 3 Buôn OL trường MG Hòa Mĩ)	1,5	0,75	0,6
3	Đường Nơ Trang Long	Ngã Tư bến xe	Ngã 3 tổ dân phố số 5	1,3	0,75	0,6
4	Đường Lê Duẩn	Ngã 3 chợ huyện	Tổ dân phố số 3 (giáp đường nhựa)	1,3	0,75	0,6
5	Các khu vực tuyến đường còn lại			1	0,65	0,5

STT	NỘI DUNG			Tỷ lệ phần trăm (%) đối với nhóm đất phi nông nghiệp		
	Tên đường	Đoạn đường		Đất sử dụng cho các dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực khuyến khích và đặc biệt khuyến khích đầu tư	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật
		Từ	Đến			
II	Xã Đắk Drô					
1	Đường tỉnh lộ 4	Ngã ba nhà Ông Nguyễn Thế Giới (trường MG Hòa Mi)	Ngã 3 hướng đi Buôn 9 (trường MG Hòa Mi) + 200m	0,8	0,65	0,6
		Ngã 3 hướng đi buôn 9 (trường MG Hòa Mi) + 200m	Ngã 3 vào TTGDTX	0,8	0,65	0,6
		Ngã 3 vào TTGDTX	Nhà ông Lê Xuân Tĩnh	0,7	0,6	0,55
		Nhà ông Lê Xuân Tĩnh	Ngã 3 đường lên bãi vật liệu xưởng cưa	0,7	0,6	0,55
		Ngã 3 đường lên bãi vật liệu xưởng cưa	Trường Nguyễn Thị Minh Khai	0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
III	Xã Nam Đà					
1	Đường tỉnh lộ 4	Ngã 5 xã Nam Đà (Hướng Cư Jút)	Ngã 5 xã Nam Đà (hướng Cư Jút) + 200m	0,8	0,65	0,6
		Ngã 5 xã Nam Đà (Hướng Cư Jút) + 200 m	Ngã 3 vào Nghĩa địa Nam Đà	0,8	0,65	0,6
		Ngã 5 Nam Đà (Hướng Đắk Mâm)	Ngã 5 Nam Đà (Hướng Đắk Mâm) +200 m	0,8	0,65	0,6
		Ngã 5 Nam Đà (Hướng Đắk Mâm) +200 m	Ngã 3 trục 9	0,8	0,65	0,6
		Ngã 3 trục 9	Cầu 1 (Giáp ranh giới TT. Đắk Mâm) -200 m	0,8	0,65	0,6
		Cầu 1 (Giáp ranh giới TT. Đắk Mâm) - 200 m	Cầu 1 (Giáp ranh giới TT. Đắk Mâm)	0,8	0,65	0,6
2	Đường trục chính Nam Đà	Ngã 5 tỉnh lộ 4	Hết sân vận động	0,8	0,65	0,6
		Hết Sân vận động	Cầu ông Thái	0,7	0,6	0,55
3	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
IV	Xã Đắk Sôr					
1	Đường tỉnh lộ 4	Ngã 3 Gia Long (Hướng Cư Jút)	Hết đất ông Nguyễn Thanh Bình	0,7	0,6	0,55
		Ngã 3 Gia Long (Hướng đi thị trấn Đắk Mâm)	Hết đất ông Võ Thứ	0,7	0,6	0,55
		Hết đất ông Võ Thứ	Giáp ranh giới xã Nam Đà	0,7	0,6	0,55
		Ngã 3 Gia Long (Hướng đi thị trấn Đắk Mâm)	Giáp ranh giới xã Nam Đà	0,7	0,6	0,55
		Đất ở các khu vực còn lại trên đường Tỉnh lộ 4		0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
V	Xã Năm N'Dir					
1	Đường tỉnh lộ 4	Ngã 4 Chợ	Ngã 3 Ông Quân (về hướng Đắk Drô trước UBND xã)	0,7	0,6	0,55
		Ngã 4 Chợ	Ngã 3 Ông Quân (về hướng Đắk Drô sau UBND xã)	0,7	0,6	0,55
		Ngã tư chợ	Km0+500 m (về hướng Đ. Xuyên)	0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
VI	Xã Đức Xuyên					
1	Đường tỉnh lộ 4	Mương thủy lợi (K.NT4a)	Ngã 3 vào trạm Y tế xã	0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
VII	Xã Năm Nung					
1	Tỉnh lộ 4	Từ ngã tư chợ	Ngã ba nhà ông Quân (về hướng Đắk Drô (phía sau UBND xã thuộc Tỉnh lộ 4)	0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
VIII	Các xã còn lại			0,6	0,55	0,5

STT	NỘI DUNG			Tỷ lệ phần trăm (%) đối với nhóm đất phi nông nghiệp		
	Tên đường	Đoạn đường		Đất sử dụng cho các dự án đầu tư không thuộc lĩnh vực khuyến khích và đặc biệt khuyến khích đầu tư	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật	Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật
		Từ	Đến			
I	Xã Đắk Búk So					
1	Tỉnh lộ 1	- Giáp đất bà Hậu	Giáp đất Trung tâm Cao su			
		Tà luy dương		0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
II	Các xã còn lại			0,6	0,55	0,5
I	Xã Quảng Khê					
1	Đường Quốc Lộ 28	Km 0 (Ngã 5 Lâm trường Quảng Khê) về hướng TX Gia Nghĩa	Ngã ba đường vào Thủy điện Đồng Nai 4 - Trạm Y tế xã Quảng Khê	0,7	0,6	0,55
		Ngã ba đường vào Thủy điện Đồng Nai 4 - Trạm Y tế xã Quảng Khê	Ngã ba đường vào Bon Phi Mur	0,7	0,6	0,55
		Km 0 Ngã 5 Xi nghiệp lâm nghiệp Quảng Khê	Ngã ba trục đường số 8	0,7	0,6	0,55
		Ngã ba trục đường số 8	Ngã ba QL 28 đường vào khu nhà công vụ huyện	0,7	0,6	0,55
		Ngã ba QL 28 đường vào khu nhà công vụ huyện	Ngã ba đường vào xưởng dừa (Km 0 - đường vào thôn 7)	0,7	0,6	0,55
		Ngã ba đường vào xưởng dừa (Km 0 - đường vào thôn 7)	Km 0 + 100 mét	0,7	0,6	0,55
2	Đường đi Thôn 1	Km 0 (Ngã 5 Lâm trường Quảng Khê)	Km 0 + 100 mét	0,7	0,6	0,55
3	Đường số 2 (đường 45 mét, trọn đường)	Ngã ba QL 28 đường vào khu nhà công vụ huyện	Ngã ba giao nhau giữa đường số 2 và đường số 8	0,7	0,6	0,55
4	Đường số 8 (đường 33 mét, trọn đường)	Ngã ba giao nhau giữa Quốc lộ 28 và đường số 8	Ngã ba giao nhau giữa đường số 8 và đường số 2	0,7	0,6	0,55
5	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
II	Xã Quảng Sơn					
1	Đường tỉnh lộ 4	Ngã ba đường vào Thôn 2 (Km 0)	Km 0 + 100 mét	0,7	0,6	0,55
		Km 0 + 100 mét	Km 0 + 200 mét	0,7	0,6	0,55
		Km 0 + 200 mét	Ngã ba đường đi xã Đắk Rmăng	0,7	0,6	0,55
		Km 0 (Ngã ba đường đi xã Đắk Rmăng hướng về Quảng Phú) + 500m		0,7	0,6	0,55
2	Đường đi thôn 2	Đường nhựa khu đất đầu giá (trọn đường)		0,7	0,6	0,55
		Ngã tư Bưu điện xã đến Ngã tư đường đi xã Đắk Rmăng (đường sau UBND xã và C.Ty Lâm nghiệp Quảng Sơn)		0,7	0,6	0,55
		Ngã ba chợ Quảng Sơn (Quán cơm Hồng Anh)	Ngã ba đường sau UBND xã và C.Ty Lâm nghiệp Quảng Sơn	0,7	0,6	0,55
		Ngã ba chợ Quảng Sơn (Quán cơm Hồng Anh)	Ngã ba đường đi xã Đắk Rmăng	0,7	0,6	0,55
3	Đường đi thôn 3A	Ngã ba đường đi xã Đắk Rmăng (Km0) (Đồn Công an Quảng Sơn)	Km 0 + 150 mét	0,7	0,6	0,55
4	Đường đi xã Đắk Rmăng	Ngã ba đường đi xã Đắk Rmăng	Ngã ba đường vào Thôn 1A	0,7	0,6	0,55
		Ngã ba đường vào Thôn 1A	Ngã ba đường vào Thôn 1A + 100 mét (Hướng đường vào Thôn 1 C)	0,7	0,6	0,55
5	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
III	Xã Đắk Ha					
1	Tỉnh lộ 4	Cột mốc số 16 TL4 (Bờ hồ)	Ngã ba đường rải nhựa 135	0,7	0,6	0,55
2	Các khu vực tuyến đường còn lại			0,6	0,55	0,5
IV	Các xã còn lại			0,6	0,55	0,5